

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MANG THÍT  
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2021/DS-ST  
Ngày: 28/12/2021  
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản  
và hợp đồng góp họ (hụi).

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG THÍT, TỈNH VĨNH LONG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Phẩm
2. Ông Nguyễn Đình Cường

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Bùi Thị Kim Liên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị Xuân Nga – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2021/TLST-DS ngày 24 tháng 02 năm 2021 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp họ (hụi)*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2021/QĐXXST-DS, ngày 29 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1970 (có mặt)

Địa chỉ: ấp PT, xã QA, huyện VL, tỉnh Vĩnh Long.

***2. Bị đơn:*** Bà Ngô Thị Lệ T, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp MC, xã CA, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 25/01/2021, trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:*

Vào ngày 04/9/2018 bà Ngô Thị Lệ T có nhờ bà Nguyễn Thị T mượn dùm số tiền là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), khi mượn bà T có làm biên nhận nợ, khi vay bà T có hứa là 02 tháng bà T trả lại cho bà T, hai bên có thỏa thuận lãi suất bằng lời nói là 5%/tháng. Bà T đã trả xong số tiền mà bà T mượn dùm bà T. Sau khi đến hạn trả bà T không đóng lãi, cũng không trả tiền vốn cho bà T, mặc dù bà T đã nhiều lần đòi lại.

Ngoài số tiền trên, bà T còn thiếu bà T số tiền hội do bà T làm đầu thảo như sau:

- Ngày 12/3/2017 (âm lịch) bà T có mở dây hội 3.000.000 đồng/phần, mỗi tháng mở một kỳ, hội có lãi, dây hội có 24 phần, bà T tham gia 01 phần, kỳ mở hội thứ 11 bà T đưa ra mức lãi cao nhất (kêu 890.000 đồng) nên bà T được hốt hội, sau khi trừ tiền hoa hồng cho chủ hội là 1.500.000 đồng, bà T được lãnh thực số tiền là 52.930.000 đồng, dây hội này đã mãn.

- Ngày 15/6/2017 (âm lịch) bà T có mở dây hội 5.000.000 đồng/phần, mỗi tháng mở một kỳ, hội có lãi, dây hội có 22 phần, bà T tham gia 01 phần, kỳ mở hội thứ 3 bà T đưa ra mức lãi cao nhất (kêu 1.430.000 đồng) nên bà T được hốt hội, sau khi trừ tiền hoa hồng cho chủ hội là 2.500.000 đồng, bà T được lãnh thực số tiền là 75.330.000 đồng, dây hội này đã mãn.

- Ngày 15/01/2018 (âm lịch) bà T có mở dây hội 3.000.000 đồng/phần, mỗi tháng mở một kỳ, hội có lãi, dây hội có 21 phần, bà T tham gia 01 phần, kỳ mở hội thứ 2 bà T đưa ra mức lãi cao nhất (kêu 800.000 đồng) nên bà T được hốt hội, sau khi trừ tiền hoa hồng cho chủ hội là 1.500.000 đồng, bà T được lãnh thực số tiền là 43.300.000 đồng, dây hội này đã mãn.

Từ khi bà T hốt hội đến khi kết thúc các dây hội (mãn dây hội) bà T không có góp lại tiền hội đầy đủ, nên bà T đã xuất tiền ra góp hội thay cho bà T với tổng số tiền là 28.000.000 đồng, bà T không nhớ rõ cụ thể góp hội thay cho bà T ở dây hội nào, vì đã quá lâu. Tuy nhiên đến ngày 30/5/2019 bà T có làm biên nhận thiếu tiền hội của bà T số tiền là 28.000.000 đồng, bà T hứa mỗi tháng trả cho bà T là 3.000.000 đồng. Tuy nhiên đến nay bà T không trả được khoản nào cho bà T hết.

Như vậy, tổng cộng bà T thiếu bà T số tiền là 48.000.000 đồng.

Vì vậy, nay bà T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Ngô Thị Lệ T có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền là 48.000.000 đồng (Bốn mươi tám triệu đồng), không yêu cầu trả lãi.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án có thông báo cho bị đơn Ngô Thị Lệ T biết việc thụ lý vụ án cũng như yêu cầu của nguyên đơn. Nhưng bị đơn không có văn bản trả lời, không có yêu cầu phản tố và vắng mặt tại tất cả các phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; vắng mặt tại các phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng bị đơn vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành của những người tham gia tố tụng: Đối với các đương sự từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của

nguyên đơn. Buộc bị đơn Ngô Thị Lệ T có nghĩa vụ trả nguyên đơn Nguyễn Thị T số tiền là 48.000.000 đồng (Bốn mươi tám triệu đồng).

- Về án phí: Buộc bị đơn Ngô Thị Lệ T phải nộp 2.400.000 đồng (Hai triệu bốn trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Các đương sự tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp họ (hụi) là tranh chấp hợp đồng dân sự; bị đơn có nơi cư trú tại xã Chánh An, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Quá trình tiến hành tố tụng giải quyết vụ án, mặc dù đã được triệu tập tổng đạt hợp lệ nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Xét, nội dung biên nhận có ghi ngày 04/9/2018 thể hiện bà Ngô Thị Lệ T có mượn bà T hụi số tiền là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) và đã được bà Ngô Thị Lệ T ký tên xác nhận. Xét, nội dung biên nhận ngày 30/5/2019 thể hiện bà Ngô Thị Lệ T có thiếu bà T số tiền hụi là 28.000.000 đồng và đã được bà Ngô Thị Lệ T ký tên xác nhận. Tòa án đã nhiều lần thông báo cho bà Ngô Thị Lệ T đến Tòa án để tham dự phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như tham dự phiên tòa nhưng bà T đều vắng mặt không có lý do, bà T cũng không có văn bản ý kiến phản đối lại yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T, thể hiện bà T đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ của mình. Điều này cũng chứng tỏ việc bà T có vay của bà T số tiền là 20.000.000 đồng là có thật, đồng thời từ khi bà T hốt hụi xong thì bà T không có góp hụi lại đầy đủ nên bà T đã xuất tiền ra góp thay bà T với số tiền là 28.000.000 đồng cũng là có thật. Do đó, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị T yêu cầu bị đơn Ngô Thị Lệ T trả lại số tiền là 48.000.000 đồng (Bốn mươi tám triệu đồng), không yêu cầu trả lãi là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại các Điều 463; 466; 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và các Điều 16; 17; 18; 24 và Điều 25 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ, nên chấp nhận.

[3] Xét, quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với nhận định trên, nên chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn Ngô Thị Lệ T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.400.000 đồng (Hai triệu bốn trăm nghìn đồng).

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468, 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 16; 17; 18; 24 và Điều 25 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ.

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T.

Buộc bị đơn Ngô Thị Lệ T có nghĩa vụ trả nguyên đơn Nguyễn Thị T số tiền là 48.000.000 đồng (Bốn mươi tám triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Buộc bị đơn Ngô Thị Lệ T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.400.000 đồng (Hai triệu bốn trăm nghìn đồng).

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006749, ngày 24/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít.

Trường hợp bản án, quyết định, được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được qui định theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo là 15 (Mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh VL;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Ngọc Bích**